TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 11-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Lưu Bích Thảo.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Thanh Phong ;

2. Bà Lê Thị Thúy Vân.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1); địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1990; cư trú tại: Khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền số 1990/2024/UQ-SVN ngày 01-10-2024), có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Ngọc B, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn Công ty Cổ phần S và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Kim A trình bày*: Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty

Cổ Phần S Có Ngay (viết tắt là Công ty) đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Cầm cố tài sản. Vào ngày 14/01/2021, Công ty có ký hợp đồng cầm cố tài sản số T2M210101015/NA17X với chị Trần Ngọc B. Thời hạn cầm cố là 06 tháng, từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/7/2021, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và phí thẩm định tài sản là 4%/tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng cầm cố, bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Công ty có quyền cho thuê, cho nượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Khoản 3 Điều 314 bộ luật Dân sự 2015 " Bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công cụ tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố nếu có thỏa thuận". Thời hạn cầm cố trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 14/01/2021 đến hết ngày 14/7/2021 sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty. Địa điểm trả xe tại chi nhánh Công ty, địa chỉ số159 đường C, Khu Phố C, Phường , Thành Phố T, Tỉnh Tây Ninh, chị B có cam kết rõ trong giấy mượn xe: " Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số T2M210101015/NA17X ngày 14/01/2021, chị Trần Ngọc B đã thể chấp tài sản đảm bảo chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu HODA WAVE 110CC, màu trắng xanh, biển số 70B1-709.09, số khung 3903HY266826 và số máy là JA39E0266867. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số hợp đồng là 1402130885. Bắt đầu từ kỳ của ngày 14/02/2021 đến nay, chị B đã quá hạn thanh toán đến hơn 51 tháng, cụ thể là 1550 ngày, nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố, cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, dù đã nhận thư thông báo và Công ty G điện nhiều lần. Từ lúc ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, chị B không thanh toán cho công ty số tiền nào. Tại đơn yêu cầu khởi kiện ngày 17/10/2024 Công ty khởi kiện yêu cầu chị B thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi cố định (lãi trong hạn), lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe phí thanh lý trước hạn; nay Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí thẩm định, phí quản lý hồ sơ, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe.

Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa buộc chị B có nghĩa vụ trả cho Công ty toàn bộ nợ gốc, lãi phát sinh đến hết ngày 11/7/2025 tổng cộng 17.314.441 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng, lãi trong hạn: 360.841 đồng, lãi quá hạn: 7.959.600 đồng), chị B vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 12/7/2025 cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ.

Trường hợp chị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa nêu

trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HODA WAVE 110CC, màu trắng xanh, biển số 70B1-709.09, số khung là 3903HY266826 và số máy là JA39E0266867 để thu hồi khoản nợ cho công ty. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì chị B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho công ty.

* Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị B đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử nhưng chị đều vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của chị B.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với chị Trần Ngọc B về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản". Buộc chị B phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 17.314.441 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng, lãi trong hạn: 360.841 đồng, lãi quá hạn: 7.959.600 đồng). Xử lý tài sảm đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp nếu chị B không thanh toán, thanh toán không đầy đủ tiền nợ cho Công ty.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phí thẩm định, phí quản lý hồ sơ ,phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký với nguyên đơn nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ tại khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 14-01-2021giữa chị Trần Ngọc B và Công ty Cổ phần S (Công ty TNHH S1) ký hợp đồng cầm cố số T2M210101015/NA17X, tài sản cầm cố là xe mô tô có biển kiểm soát: 70B1-709.09 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 042098 do Công an T cấp ngày 14/10/2017 đứng tên chị B, Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số hợp đồng là 1402130885 ngày 14/01/2021 để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 9.000.000 đồng của chị B.

[2.1] Xét, tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các điều khoản thỏa thuận về lãi trong hợp đồng đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 14-01-2021.

[2.2] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 14-01-2021 Công ty có giải ngân cho chị B nhận số tiền 9.000.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố đến nay chị B không thanh toán bất cứ khoản tiền nào và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên Công ty khởi kiện yêu cầu chị B phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tổng cộng số tiền 17.314.441 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng, lãi trong hạn: 360.841 đồng, lãi quá hạn: 7.959.600 đồng) là có cơ sở, chị B phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố ngày 14-01-2021 kể từ ngày 12/7/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.3] Tài sản bảo đảm việc vay tiền được đăng ký trên hệ thống trực tuyến của cục Đ đúng quy định, do đó trường hợp chị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô có biển số: 70B1-709.09 để thu hồi nợ cho Công ty.

[3] Việc Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phí thẩm định, phí quản lý hồ sơ, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe của Công ty.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị B chịu 865.722 đồng (làm tròn: 866.000 đồng) án phí, Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty số tiền: 784.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003954 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh (nay là Phòng THADS khu vực 10 – Tây Ninh).

[5] Lời trình bày của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căc cứ Điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, 2 Điều 37 và các Điều 72, 91, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S (được đổi tên từ Công ty TNHH S1).

Buộc chị Trần Ngọc B phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 11/7/2025 là 17.314.441 đồng (trong đó: tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng, lãi trong hạn: 360.841 đồng, lãi quá hạn: 7.959.600 đồng.

Kể từ ngày 12/7/2025 cho đến khi thi hành án xong, chị Trần Ngọc B còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ theo lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng cầm cố số T2M210101015/NA17X được ký giữa các bên ngày 14/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp chị Trần Ngọc B trả hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho chị Trần Ngọc Bình B1 chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 042098 do Công an T cấp ngày 14/10/2017.

Trường hợp chị Trần Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HODA WAVE 110CC, màu trắng xanh, biển số 70B1-709.09, số khung 3903HY266826 và số máy JA39E0266867, để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì chị Trần Ngọc B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối về yêu cầu chị B thanh toán phí thẩm định, phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe theo thỏa thuận.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Chị Trần Ngọc B phải chịu chịu 866.000 đồng.

3.2. Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty số tiền: 784.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003954 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh(nay là Phòng THADS khu vực 10 – Tây Ninh).

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Bích Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. khu vực 10 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 10 – Tây Ninh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.